

QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO VỀ VIỆC SỬ DỤNG ĐÚNG ĐẮN TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trợ lý GS, TS. Rahul K. Kamble^(*)

TÓM TẮT

Một mặt do phát triển công nghiệp hóa, đô thị hóa và toàn cầu hóa nhanh chóng trong khi mặt khác lại nhấn mạnh tăng trưởng kinh tế dẫn tới môi trường suy thoái. Sự tăng trưởng kinh tế do ảnh hưởng từ lòng tham, ganh ghét và lừa gạt mang tới kết quả là việc bóc lột không phân biệt những nguồn tài nguyên có giới hạn. Việc sử dụng tài nguyên không thương tiếc được coi là 'tiêu thụ sai'. Dựa trên thuyết Nhân Quả nhà Phật, mỗi nhân đều có quả. Việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên sai lầm – đó là nhân- dẫn tới quả là thu hẹp nguồn tài nguyên, thoái hóa môi trường, ô nhiễm, đe dọa đến các sinh vật, thay đổi khí hậu, v.v. Mục đích của bài viết này là liên hệ việc sử dụng sai lầm tài nguyên môi trường với tham, sân, si, ba nguyên nhân gây nên khổ đau và hơn nữa việc sử dụng đúng đắn với Bát Chánh Đạo dựa trên khôn ngoan, đạo đức và văn hóa tinh thần dẫn đến sự phát triển bền vững. Kết quả của nghiên cứu về sự sử dụng sai lầm tài nguyên môi trường dựa trên tham, sân, si rồi gây ra thu hẹp tài nguyên thiên nhiên và suy thoái môi trường. Để vượt qua những đau khổ do sử dụng sai lầm, việc sử dụng đúng

tài nguyên tự nhiên phải phát triển từ cá nhân trước. Đức tính này dựa trên sự khôn ngoan, đạo đức và văn hóa tinh thần, những giá trị của Bát Chánh Đạo. Kết luận rằng để phát triển bền vững thì sử dụng đúng tài nguyên cần phải áp dụng. Để đạt được sự phát triển bền vững qua việc sử dụng đúng đắn tài nguyên thiên nhiên, ta phải phát triển các đức tính mà Phật dạy như xả thân, rộng lượng, trách nhiệm, bình tĩnh và an nhiên, tốt bụng và từ bi, không níu kéo và lưu luyến, chia sẻ, nhân từ, ý thức về tính vô thường của vật chất và niềm vui.

1. GIỚI THIỆU

Tất cả các phương tiện dùng để thỏa mãn nhu cầu của con người, tại một thời điểm và nơi chốn nhất định đều là nguồn lực. “Nguồn lực” là những phương tiện giúp con người và xã hội đạt được sự sung túc. Những hợp chất tự nhiên như đất, nước, khoáng sản, rừng, động vật hoang dã, năng lượng hay thậm chí chính bản thân con người cũng được xem là yếu tố tạo ra nguồn lực (Santra, 2014). Về cơ bản, cách mà xã hội sử dụng và quan tâm đến nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ tạo nên sự thịnh vượng của con người, môi trường và nền kinh tế. Tài nguyên thiên nhiên chính là thực vật và các nguyên vật liệu từ thực vật, kim loại, khoáng sản, nhiên liệu hóa thạch, đất và nước. Đây là các nguyên liệu cơ bản để tạo nên hàng hóa, dịch vụ và cơ sở hạ tầng cho hệ thống kinh tế - xã hội từ quy mô địa phương cho đến toàn cầu. Các nghiên cứu đã cho thấy rằng, dù trực tiếp hay gián tiếp thì tài nguyên thiên nhiên và môi trường cũng có mối liên hệ với tất cả Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc. Việc hồi phục và duy trì sự dồi dào của nguồn tài nguyên thiên nhiên là điều kiện cần thiết để đạt được kỳ vọng về cuộc sống sung túc, hạnh phúc cho thế hệ hiện tại và tương lai khi đặt ra mục tiêu này (IRP, 2017).

Nếu đến năm 2050, dân số thế giới đạt 9.6 tỷ người, thì cần

khoảng ba hành tinh để duy trì lối sống hiện tại. Trong vòng hai thập kỷ tới, dự đoán sẽ ngày càng nhiều người gia nhập vào tầng lớp trung lưu. Đây là một tin tốt lành nếu xét về sự đầy đủ của mỗi người nhưng cũng làm gia tăng gánh nặng nhu cầu lên nguồn tài nguyên vốn đã hạn chế. Nếu chúng ta không thật sự hành động nhằm thay đổi thói quen tiêu dung và sản xuất chúng thì sẽ gây ra tổn hại không thể khắc phục lên môi trường. Mỗi năm, có khoảng 1/3 tổng số thực phẩm được sản xuất – tương đương 1.3 tỷ tấn, trị giá 1 nghìn tỷ USD, rốt cuộc bị ôi thiu trong tủ của người tiêu dùng hay nhà bán lẻ, hoặc hư hỏng do vận chuyển không tốt hoặc quá trình thu hoạch kém. Các hộ gia đình tiêu thụ 29% năng lượng toàn cầu và “đóng góp” đến 21% khí thải carbon dioxide (Why it Matters, 2018).

Mỗi năm, người ta ước tính khoảng 19 triệu ca tử vong sớm xảy ra trên toàn cầu là do các yếu tố rủi ro liên quan đến môi trường và cơ sở hạ tầng, phát sinh từ cách xã hội khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong các hệ thống sản xuất và tiêu thụ, bao gồm cả cơ sở hạ tầng và cung cấp thực phẩm thiết yếu. Khoảng 6,5 triệu ca chết yếu (phần lớn ở các thành phố) là do ô nhiễm không khí, liên quan đến cung cấp và sử dụng năng lượng trong nhà và các ngành công nghiệp, cũng như các ngành vận tải và xây dựng trong các thành phố (IRP, 2017).

Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu tiếp tục chuyển từ vật liệu sinh khối và có thể tái tạo sang vật liệu không thể tái tạo, tạo ra dòng chất thải mới, góp phần gia tăng chất thải và gây ô nhiễm cao hơn. Xu hướng toàn cầu chuyển từ công nghệ truyền thống sang công nghệ hiện đại và từ nền kinh tế dựa vào nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp và đô thị (cùng với yêu cầu vật liệu mới đang phát triển nhanh chóng), tiếp tục tăng tốc sử dụng vật liệu toàn cầu và tạo ra những thách thức đáng kể cho chính sách bền vững (Steinberger et al., 2010).

Sự phát triển mạnh mẽ trong việc khai thác tài nguyên sinh khối,

nhiên liệu hóa thạch, quặng kim loại và khoáng sản phi kim loại tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế toàn cầu, nhưng đồng thời cũng gây thêm áp lực và tác động lên toàn bộ môi trường. Trong giai đoạn 1970 đến 2010, việc sử dụng vật liệu toàn cầu hàng năm đã tăng từ 26,7 tỷ tấn lên 75,6 tỷ tấn. Nói cách khác, ba thập kỷ cuối của thế kỷ 20 đã chứng kiến sự tăng trưởng trung bình thường niên trong sử dụng vật liệu toàn cầu là 2,3%. Trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 21 từ năm 2000 – 2010, tăng trưởng hàng năm tăng thêm 3.5% và cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 - 2009 có tác động không đáng kể đến việc sử dụng vật liệu toàn cầu. Từ 2010 - 2014, tình trạng sử dụng nguyên liệu toàn cầu đã tăng trở lại thêm 7,3 tỷ tấn, tương đương trung bình 2,3% mỗi năm, đạt mức 82,9 tỷ tấn. Điều này cực kỳ quan trọng bởi vì khi tất cả mọi thứ khác đều bằng nhau, việc khai thác vật liệu ngày càng tăng cho thấy áp lực và tác động môi trường ngày càng tăng trên toàn cầu (IRP, 2017).

Chúng ta tiêu thụ các sản phẩm của môi trường và sự thay đổi về cách sử dụng tài nguyên của con người đang ngày càng đe dọa đến sinh quyển thế giới (Harvey, 2013). Ven Payutto cho rằng tiêu dùng chỉ nên được xem như là “một phương tiện để kết thúc, chấm dứt sự phát triển tiềm năng của con người” hoặc “sức khỏe của con người trong cộng đồng, trong xã hội và môi trường” (Payutto, 1994).

2. SỰ TIÊU THỤ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN KHÔNG ĐỒNG ĐỀU

Trong bốn thập kỷ qua, một sự thay đổi lớn đã xảy ra trong việc khai thác nguyên liệu từ Châu Âu và Bắc Mỹ đến Châu Á, Thái Bình Dương và Tây Á. Sự thay đổi này gia tăng áp lực môi trường lên những ngành công nghiệp quan trọng cũng như dòng tài nguyên ở Châu Á và Thái Bình Dương, Châu Mỹ Latinh, Caribbean và Châu Phi (Schandl and West, 2010; West and Schandl, 2013). Mặc dù việc gia tăng khai thác nguyên liệu ở miền Nam bán cầu đã thúc

đẩy giảm nghèo và nâng cao mức sống vật chất ở một số quốc gia, nhưng nó cũng liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội quan trọng (Mudd, 2010) (Reeson et al., 2012).

Từ năm 2015 đến năm 2050, lượng tài nguyên toàn cầu được sử dụng có thể tăng gấp đôi, và các quốc gia có thu nhập cao hiện đang tiêu thụ gấp 10 lần mỗi người so với các quốc gia có thu nhập thấp (IRP, 2017). Hiện tại, “tầng lớp người tiêu dùng” có hơn 1,7 tỷ thành viên, một nửa trong số họ nằm ở các nước đang phát triển. Mặc dù tầng lớp này phát triển mạnh nhưng sự chênh lệch vẫn còn rất lớn. 12% dân số thế giới sống ở Bắc Mỹ và Tây Âu chiếm 60% lượng chi tiêu nhân, trong khi một phần ba số người sống ở Nam Á và châu Phi - cận Sahara chỉ chiếm 3,2%. Có tới 2,8 tỷ người trên hành tinh vất vả đấu tranh chỉ để sinh tồn với chưa tới 2 đô la Mỹ mỗi ngày và hơn một tỷ người không được tiếp cận với nguồn nước an toàn. Theo báo cáo của Liên Hợp Quốc, có 825 triệu người vẫn còn thiếu dinh dưỡng (State of Consumption Today, 2018).

Mặc dù mức tiêu thụ gia tăng ở các nước đang phát triển nhưng chính các nước công nghiệp phải chịu trách nhiệm cho phần lớn việc tiêu thụ tài nguyên của thế giới, cũng như tình trạng suy thoái môi trường toàn cầu liên quan. Hoa Kỳ chiếm chưa đến 5% dân số toàn cầu, sử dụng khoảng 1/4 tài nguyên nhiên liệu hóa thạch, đốt cháy gần 25% than đá, 26% dầu mỏ và 27% lượng khí đốt tự nhiên trên thế giới. Tính đến năm 2003, Mỹ có nhiều xe hơi tư nhân hơn so với các tài xế được cấp phép, và các phương tiện thể thao tiện ích tiết kiệm xăng là một trong những phương tiện bán chạy nhất. Những ngôi nhà mới ở Mỹ lớn hơn 38% vào năm 2002 so với năm 1975, mặc dù trung bình có ít người trên một hộ gia đình (State of Consumption Today, 2018).

Chỉ số Living Planet Index của WWF, đo lường tình trạng khỏe mạnh của rừng, đại dương, nguồn nước ngọt và những hệ thống tự nhiên khác, cho thấy sức khỏe sinh thái của Trái đất giảm

35% kể từ năm 1970. Tính toán cho thấy hành tinh của chúng ta có 1,9 ha đất sản xuất sinh học cho mỗi người. tài nguyên và chất thải hấp thụ, nhưng mỗi người bình thường trên Trái đất đã sử dụng 2,3 ha. Một người Mỹ bình thường chiếm đến 9,7 ha và người Mozambican bình thường thì sở hữu 0.47 ha. Mỗi người thường phải đối mặt với những chi phí phát sinh do tiêu dùng quá tay: nợ nần; thiếu thời gian và căng thẳng vì phải vất vả làm việc để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài; cần thời gian để dọn dẹp, nâng cấp, lưu trữ hoặc bảo vệ tài sản; và những cách tiêu dùng như vậy chiếm hết thời gian dành cho gia đình và bạn bè (State of Consumption Today, 2018)

Báo cáo Chỉ số Phát triển Con người của Liên Hợp Quốc 2018 (UNDP, 2018) đã chia chỉ số Phát triển Con người của các quốc gia thành năm loại (Bảng 1). Các quốc gia thuộc nhóm Phát triển con người rất cao chiếm 31,21% (n = 59), tiếp theo là Phát triển con người cao (28%, n = 53), Phát triển con người trung bình (20,63%, n = 39) và Phát triển con người thấp (20%, n = 38). Tổng thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người ở các quốc gia thuộc loại này cho thấy ranh giới rõ ràng với GNI cao nhất (40041) trong danh mục Phát triển con người rất cao và thấp nhất (2521) ở các quốc gia thuộc loại Phát triển thấp. Mức độ sử dụng tài nguyên thiên nhiên dưới dạng nhiên liệu hóa thạch phân theo thứ tự các nhóm này là: Phát triển con người cao > Phát triển con người rất cao > Phát triển con người trung bình; trong khi đó, trong trường hợp phát thải carbon dioxide (CO₂) bình quân đầu người tính theo tấn theo thứ tự Phát triển con người rất cao > Phát triển con người cao > Phát triển con người trung bình > Phát triển con người thấp. Tỷ lệ sử dụng nước ngọt ở các quốc gia có trình độ Phát triển con người rất cao (6.1) là cao nhất, sau đó đến nhóm Phát triển con người cao 4,8. Từ dữ liệu được trình bày trong Bảng 1, có thể chỉ ra rằng nhóm phát triển con người cao và rất cao tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch, sử dụng nước ngọt và thải CO₂ trên đầu người cao hơn so với phát triển con người trung bình và thấp loại

quốc gia. Ngược lại, việc sử dụng tiêu thụ năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường và tài nguyên thiên nhiên có xu hướng ngược lại và theo thứ tự Phát triển con người thấp> Phát triển con người trung bình> Phát triển con người cao> Phát triển con người rất cao. Độ che phủ rừng của các quốc gia thuộc loại này tương đương với năm 2018.

Bảng 2 trình bày Chỉ số phát triển con người được phân loại theo báo cáo Chỉ số phát triển con người của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) năm 2018 vào sáu khu vực trên thế giới. Các quốc gia Ả Rập theo Hồi giáo, Đông Á và Thái Bình Dương chịu sự ảnh hưởng của Phật giáo và Thiên Chúa giáo; Châu Âu và miền Trung Á, châu Mỹ Latinh và Caribbean chịu sự chi phối của Kitô giáo; Châu Phi hạ Sahara theo Kitô giáo và Hồi giáo trong khi Nam Á tôn thờ nhiều loại tôn giáo khác nhau (Phật giáo, Kitô giáo, Ấn Độ giáo và Hồi giáo). Thu nhập quốc dân bình quân đầu người ở các quốc gia Ả Rập, Đông Á và Thái Bình Dương, Châu Âu và Trung Á và Mỹ Latinh và Caribbean ; trong khi đó, ở châu Phi cận Sahara thì ít nhất (3399). Mức độ tiêu thụ năng lượng nhiên liệu hóa thạch xếp theo thứ tự từ các quốc gia Ả Rập> Châu Âu và Trung Á> Nam Á> Châu Mỹ Latinh và Caribbean > Châu Phi cận Sahara. Lượng khí thải carbon dioxide trên đầu người theo thứ tự Đông Á và Thái Bình Dương> Châu Âu và Trung Á> Các quốc gia Ả Rập> Châu Mỹ Latinh và Caribbean> Nam Á> Châu Phi cận Sahara. Tỷ lệ rút nước ngọt theo thứ tự Nam Á> Châu Âu và Trung Á> Châu Mỹ Latinh và Caribê. Dấu chân sinh thái của các tôn giáo thế giới có thể được đặt theo thứ tự của các quốc gia Ả Rập> Châu Âu và Trung Á> Nam Á> Mỹ Latinh và Caribbean> Đông Á và Thái Bình Dương> Châu Phi cận Sahara. Mức độ sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo bảo tồn tài nguyên thiên nhiên lại có xu hướng ngược với sử dụng tiêu thụ năng lượng nhiên liệu hóa thạch và đó là châu Phi cận Sahara> Nam Á> Mỹ Latinh và Caribbean> Đông Á và Thái Bình Dương> Châu Âu và Trung Á> Các nước Ả Rập. Do đó, các khu vực trên thế giới có tổng thu nhập quốc dân

trên đầu người cao hơn đang sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên dưới dạng nhiên liệu hóa thạch hơn và thải nhiều khí CO₂ hơn vào khí quyển, nhưng lại có mức sử dụng năng lượng tái tạo ít nhất.

Nguyên nhân gây tác động tới môi trường là do dân số tăng nhanh, gia tăng công nghệ hiệu quả và tỷ lệ tiêu dùng vượt quá khả năng đáp ứng của hành tinh. Ba yếu tố này đã được kết hợp trong phương trình $I = PAT$, hoặc tác động môi trường = quy mô dân số nhân với sự sung túc (hoặc mức độ tiêu thụ) nhân với công nghệ. Trong một số tình huống, nếu giảm bất kỳ yếu tố nào trong ba yếu tố trên sẽ làm giảm tác động, tăng một hoặc cả ba cái sẽ làm tăng tác động (Kaza, 2000).

Bản chất của việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên trên toàn cầu ngày nay được phân loại thành “sử dụng sai” hoặc “sử dụng không hiệu quả”. Hành động này gây ra tác động kinh khủng lên môi trường của chúng ta. Bài viết này cố gắng khẳng định “vị thế” của Phật Tử trong việc tiêu thụ, sử dụng tài nguyên thiên nhiên dựa trên việc ứng dụng khéo léo và đưa Tứ Diệu Đế vào. Việc áp dụng ứng phó hợp lý của Phật Giáo được xây dựng trên nền tảng của Bát Chánh Đạo và những thay đổi cơ bản để xây dựng đức tính cao quý của Phật tử như buông bỏ và rộng lượng, v.v. sẽ giúp chuyển đổi việc tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên sai sang đúng theo môi trường và xã hội. Việc chuyển hóa này thực hiện từ cấp độ cá nhân lên cấp độ cộng đồng (Xã hội) sẽ mang lại kết quả tốt cho việc bảo tồn thiên nhiên và phát triển bền vững.

Bảng 1: Việc tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên và nhóm Chỉ số Phát triển con người

Nhóm		Các nhóm Phát triển con người theo báo cáo Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc UNDP 2018			
		Nhóm phát triển con người rất cao (59 nước)	Nhóm phát triển con người cao (53 nước)	Nhóm phát triển con người trung bình (39 nước)	Nhóm phát triển con người thấp (38 countries)
Tổng dân số (Triệu)	2017	1439.3	2378.9	2732.9	926.2
	2030	1503.3	2497.0	3177.5	1291.2
Chỉ số phát triển con người		0.894	0.757	0.645	0.504
Tuổi thọ		79.5	76.0	69.1	60.8
Thu nhập quốc dân theo đầu người		40041	14999	6849	2521
Thu nhập ước tính Thu nhập quốc dân theo đầu người	Female	30276	10945	3673	1915
	Male	50033	18948	9906	3126
Tổng sản phẩm quốc nội	2011 total	57964.1	35766.3	18684.2	2346.9
	2011 per capita	40078	15280	6836	2609
Tiêu chuẩn sống (% mức độ hài lòng)		74	73	72	44
Mức tiêu thụ năng lượng nhiên liệu hóa thạch		82.6	85.8	71.2	..
Mức tiêu thụ năng lượng tái tạo		10.4	14.6	35.8	81.0
Lượng khí thải CO ₂ trên đầu người (tấn)		10.7	6.1	1.7	0.3

Sử dụng nước ngọt (%)		6.1	4.8
Tỷ lệ tử vong	Ô nhiễm không khí gia đình và môi trường xung quanh	23.6	86.2	152.2	200.2
	Vệ sinh	0.3	0.8	15.6	45.9
Độ che phủ rừng	(% trên tổng diện tích đất)	33.1	31.5	30.5	23.1
	Mức độ thay đổi %, 1990/2015	1.1	-1.7	-9.7	-14.5

Bảng 2. Mức độ tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên chia theo các khu vực trên thế giới

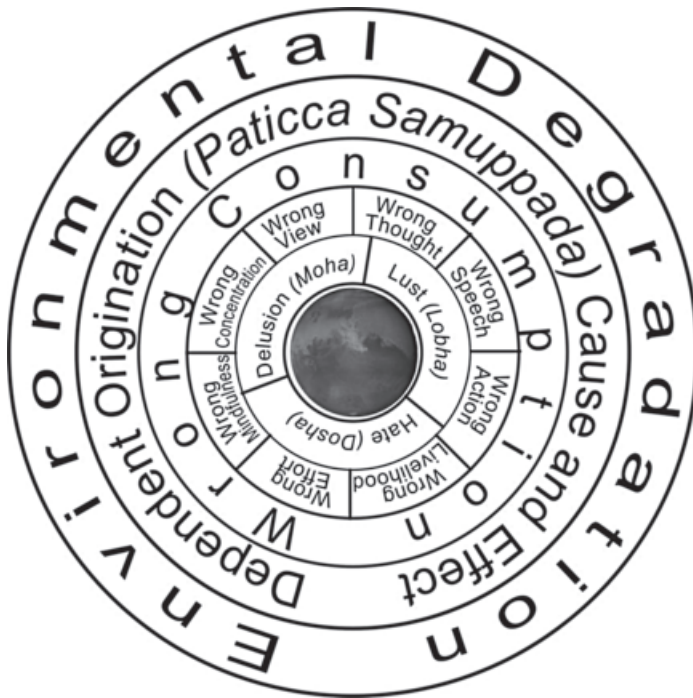
		Regions categorization according to UNDP Human Development Index 2018 report					
Vùng		Các nước Á Rập (20 quốc gia và vùng lãnh thổ)	Đông Á và Thái Bình Dương (24 quốc gia)	Châu Âu và Trung Á (17 quốc gia)	Mỹ Latinh và Caribe (33 quốc gia)	Nam Á (9 quốc gia)	Châu Phi Hạ Sahara (46 quốc gia)
Tôn giáo		Hồi giáo	Phật giáo và Thiên Chúa giáo	Thiên Chúa giáo và Hồi giáo	Thiên Chúa giáo	Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Ấn Độ giáo, Hồi giáo	Thiên Chúa giáo và Hồi giáo
Tổng dân số (Triệu)	2017	409.5	2091.4	243.9	640.2	1869.0	1005.8
	2030	513.6	2205.9	259.3	713.1	2134.4	1394.4
Chi số phát triển con người			0.733	0.771	0.758	0.638	0.537
Tuổi thọ			74.7	73.4	75.7	69.3	60.7
Thu nhập quốc dân theo đầu người			13688	15331	13671	6473	3399
Thu nhập ước tính	Female	5380	10689	10413	9622	2694	2763
	Male	25533	16568	20529	17809	10035	4034
Tổng sản phẩm quốc nội	2011 total	6187.6	28026.4	3753.3	9076.7	12127.1	3486.3
	2011 per capital	16472	13737	15563	14469	6485	3489
Tiêu chuẩn sống (% mức độ hài lòng)			..	60	68	74	46
Mức tiêu thụ năng lượng nhiên liệu hóa thạch			..	87.2	74.5	76.7	39.2
Mức tiêu thụ năng lượng tái tạo			15.9	9.1	27.7	31.1	70.2

Lượng khí thải CO ₂ trên đầu người (tấn)			5.8	5.1	3.0	1.8	0.8
Sử dụng nước ngọt (%)			..	14.3	1.6	23.8	..
Tỷ lệ tử vong	Ô nhiễm không khí gia đình và môi trường xung quanh	101.2	114.4	66.5	39.3	173.7	186.4
	Vệ sinh	7.0	2.2	0.5	1.7	17.1	47.7
Độ che phủ rừng	(% trên tổng diện tích đất)	3.0	29.8	9.1	46.3	14.7	28.2
	Mức độ thay đổi %, 1990/2015	-23.7	3.8	8.3	-9.3	7.6	-11.7

3. NGUYÊN NHÂN CỦA VIỆC TIÊU DÙNG SAI

Hình 1 mô tả những nguyên nhân của việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên sai lầm. Các hoạt động của con người chịu trách nhiệm cho việc này. Ba nguyên nhân sâu xa của tất cả các hoạt động xấu xa của nhân loại là tham (lobha), sân (dosha) và si/ thờ ơ (moha), từ đó nổi lên vô số các nhánh và biến thể của chúng: giận dữ và tàn ác, ghen tị và ghen tị, tự phụ và kiêu ngạo, phù phiếm, và vô số quan điểm sai lầm khác. Ba nguyên nhân sâu xa của mọi tội lỗi đều đưa đến Hiếu sai, Suy nghĩ sai, Nói sai, Hành động sai, Sinh kế sai, Nỗ lực sai, Chánh niệm sai và Tập trung sai. Theo luật Nhân – quả và tác động của Duyên khởi, tám khía cạnh này dẫn đến việc ngày càng sử dụng sai tài nguyên thiên nhiên, gây suy thoái môi trường. Ba nguyên nhân sâu xa của mọi tội lỗi là tác nhân chủ yếu chịu trách nhiệm cho việc sử dụng sai và sâu xa hơn là suy thoái môi trường – một loại đau khổ (*Khổ*, Tứ diệu đế thứ nhất). Nguyên nhân của nỗi khổ sử dụng sai và suy thoái môi trường là tham, sân, si, làm cho sự Hiếu sai, Suy nghĩ sai, Nói sai, Hành động sai, Sinh kế sai, Chánh niệm sai và Tập trung sai (*Samudaya Dukkha*, Tứ diệu đế thứ hai). Suy thoái môi trường vì tiêu thụ sai (*Dukkha*, Khổ) là do những khía cạnh nhân sinh của tham, sân, si

(*Samudaya Dukkha*, Nguyên nhân đau khổ) Chúng ta có thể khắc phục việc sử dụng sai và tình trạng suy thoái môi trường (*Dukkha Samudaya Nirodha*, Cảnh giới diệt khổ, Tứ diệu đế thứ ba) và có một cách giúp vượt qua những đau khổ này (*Marga*, Con đường, Tứ diệu đế thứ tư). Để đạt được mức tiêu thụ tối đa mà vẫn bảo vệ môi trường, Trung Đạo do Đức Phật đưa ra có khả năng khắc phục ba nguyên nhân gốc rễ của mọi tội lỗi nhằm đạt được mục tiêu tiêu thụ đúng tài nguyên thiên nhiên để bảo tồn môi trường (*Marga*, Con đường diệt khổ, Tứ diệu đế).



Hình 1. Suy thoái môi trường do tiêu thụ sai

4. TIÊU THỤ SAI VÀ NGUỒN GỐC PHỤ THUỘC

Người ta đã thực hiện một số nghiên cứu về nguyên nhân và ảnh hưởng của suy thoái môi trường. Một số bằng chứng từ cuộc khủng hoảng môi trường gần đây được cho là do hậu quả của suy thoái môi trường. Nguyên lý Phật giáo của Duyên khởi (*Paticca Samuppada*)

mang đến cho chúng ta cách nhìn nhận vấn đề dưới góc độ nhân quả và hơn thế nữa, gợi ý cho ta nên kết thúc vấn đề từ chính căn nguyên nguồn cội của nó. Thuyết Duyên khởi nhấn mạnh rằng:

“Khi chuyện này xảy ra, chuyện kia sẽ xảy ra;

Với sự phát sinh của điều này, điều đó phát sinh,

Khi điều này không xảy ra, điều đó không xảy ra;

Với việc chấm dứt của điều này, thì điều đó chấm dứt”.

Quy luật này diễn ra vĩnh hằng, liên tục và không bị chi phối, kiểm soát bởi bất kỳ tác động bên ngoài hoặc quyền lực nào. Đức Phật đã khám phá ra sự thật bất biến này, giúp giải quyết câu đố của cuộc sống, làm sáng tỏ bí ẩn của sự tồn tại. Bằng cách thấu hiểu một cách trọn vẹn và đầy đủ về Duyên khởi với mười hai yếu tố, lý giải nó sẽ giúp ích cho những người chưa đủ thông suốt đang khát khao tìm ra chân lý. Nguyên nhân sâu xa của việc tiêu thụ sai có thể được thấu hiểu qua bài học về Duyên khởi (*Paticca Samuppada*). Mười hai yếu tố đó bao gồm Vô minh (*Avijja*), Hành (*Sankhara*), Thức (*Vinnana*), Danh sắc (*Nama-Rupa*), Lục căn (*Salayatana*), Xúc (*Phassa*), Thọ (*Vedana*), Ái (*Tanha*), Thủ (*Bhava*), Hữu (*Jati*) và Sinh và Lão tử (*Jaramarana*) (*Piyadassi Thera, 1959*). Duyên khởi với mười hai liên kết của nó bắt nguồn bằng sự vô minh và khép lại trong sự già nua và cái chết, cho thấy con người từ sau khi sinh ra, sẽ được chăm sóc, trưởng thành, lang thang trong kiếp luân hồi. Nhưng bằng cách loại bỏ mười hai yếu tố, con người có thể giải thoát bản thân khỏi bể khổ và tái sinh. Đức Phật đã giúp chúng ta nghĩ ra cách chấm dứt tình trạng lang thang lặp đi lặp lại. Đó là bằng nỗ lực để ngăn chặn Bánh xe Sinh tồn, chúng ta tìm thấy lối thoát khỏi mớ bòng bong. Con đường chấm dứt đau khổ được Đức Phật nêu ra như sau:

“Thông qua toàn bộ sự chấm dứt của vô minh chấm dứt sự hình thành Hành;

Thông qua việc chấm dứt hình thành Hành, chấm dứt Thức;

*Thông qua việc chấm dứt Thức, Danh sắc chấm dứt;
 Thông qua việc chấm dứt Danh sắc, Lục căn chấm dứt;
 Thông qua việc chấm dứt căn cứ Lục căn, chấm dứt Xúc;
 Thông qua việc chấm dứt Xúc, Thọ chấm dứt;
 Thông qua việc chấm dứt Thọ, Ái chấm dứt;
 Thông qua sự chấm dứt Ái, Thủ chấm dứt;
 Thông qua việc chấm dứt Thủ, Hữu chấm dứt;
 Thông qua việc chấm dứt Hữu, chấm dứt Sinh;
 Thông qua việc chấm dứt Sinh, chấm dứt Lão và Tử,
 đau khổ, than thở, đau đớn, đau buồn và tuyệt vọng.
 Do đó, toàn bộ khối đau khổ này chấm dứt”.*

(Piyadassi Thera, 1959)

5. HÀNH ĐỘNG KHÉO LÉO VÀ BẢN NĂNG

Sử dụng sai tài nguyên thiên nhiên là một hành động bản năng dẫn đến suy thoái môi trường. Hành động thô vụng này có thể được thay thế bằng hành động khéo léo để sử dụng đúng đắn những nguồn tài nguyên thiên nhiên có giới hạn. Hành động sử dụng đúng đắn sẽ dẫn đường cho việc bảo vệ môi trường dựa trên nguyên tắc Khởi nguyên phụ thuộc.

Đức Phật đã dạy: “Hỡi các tăng ni, hãy từ bỏ những hành động bản năng”. Đây là việc có thể thực hiện. Nếu như việc từ bỏ những thứ bản năng là không thể, ta sẽ không nói mọi người làm điều đó, nhưng vì có thể nên ta kêu gọi các người “Hãy từ bỏ những thứ bản năng”. Nếu việc từ bỏ đó thu hút sự đau khổ và tổn thương, ta sẽ không nói ra. Nhưng vì nó đem lại lợi ích và hạnh phúc, nên ta khuyên mọi người “Hãy từ bỏ những thứ bản năng.”

“Hỡi các Tăng Ni, hãy phát triển những điều khéo léo. Đây là việc có thể thực hiện. Nếu như không thể, ta đã không nói như vậy. Nhưng

vì đây là việc có thể thực hiện nên ta khuyên các người hãy ‘Phát triển những việc khéo léo. Nếu “Phát triển những gì khéo léo” thu hút sự tổn thương và đau khổ, ta sẽ không khuyên các người làm như vậy. Nhưng vì ‘Phát triển của những gì khéo léo’ đem lại niềm vui và hạnh phúc nên ta khuyên các người hãy ‘Phát triển những gì khéo léo.’ AN2: 19

Và đâu là những thứ bản năng? Lãng phí cuộc sống, lấy những thứ không thuộc về mình... quan hệ bừa bãi... nói dối... nói lời nhảm nhí, nói lời mang tính chia rẽ... nói lời vô nghĩa là bản năng. Lòng tham... thiếu ý chí... quan điểm sai lầm có phải là bản năng? Tất cả những điều này đều là bản năng.

Đâu là nguồn gốc của những việc bản năng? Tham là một căn nguyên của những thứ bản năng, sân là một gốc rễ của những hành động bản năng, si là một gốc rễ của những hành động bản năng. Chúng được gọi là gốc rễ của những hành động bản năng.

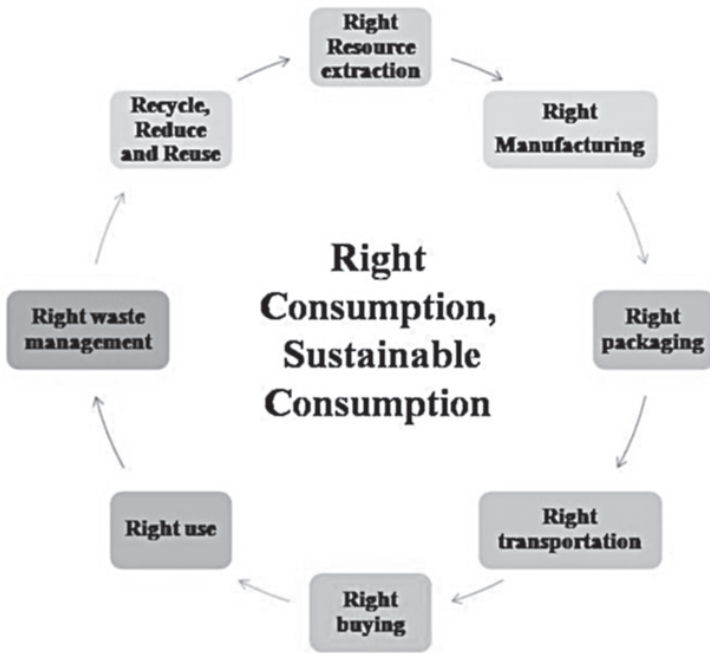
Và thế nào là khéo léo? Sống điều độ là khéo léo, tiết chế những thứ không phải của mình là khéo léo... không quan hệ bừa bãi... không nói dối... không nói lời gây tổn thương... không nói lời gây chia rẽ... Không tham lam... không thoái chí... có cái nhìn đúng đắn là việc làm khéo léo. Tất cả những thứ này gọi là hành động khéo léo. MN9 (Thanissaro Bhikkhu, 2010)

Đâu là gốc rễ của sự hành động khéo léo? Không tham là căn nguyên của hành động khéo léo, không sân là căn nguyên của hành động khéo léo, không si là căn nguyên của hành động khéo léo. Tất cả được gọi là căn nguyên của những việc khéo léo”.

6. TIÊU THỤ ĐÚNG HOẶC TIÊU THỤ BỀN VỮNG

Sử dụng đúng hoặc sử dụng bền vững có thể được định nghĩa là: sử dụng các dịch vụ tự nhiên và các sản phẩm liên quan đáp ứng nhu cầu cơ bản và mang lại chất lượng cuộc sống tốt hơn trong lúc đồng thời giảm thiểu việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và vật liệu độc hại cũng như phát thải chất thải và chất ô nhiễm trong

vòng đời của dịch vụ hoặc sản phẩm (để không gây nguy hiểm cho nhu cầu của các thế hệ tương lai). Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu thụ bền vững đã trở thành mục tiêu rõ ràng của Mục tiêu phát triển bền vững (Mục tiêu số 12), với mục tiêu cụ thể là đạt được quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên vào năm 2030.



Hình 2: Những khía cạnh của tiêu thụ đúng/tiêu thụ bền vững

Sản xuất đúng → Đóng gói đúng → Vận chuyển đúng → Sử dụng đúng → Quản trị lãng phí đúng → Tái chế và tái sử dụng đúng. Sử dụng đúng không phải là thuật ngữ loại trừ mà là thuật ngữ tổng hợp: Khai thác đúng tài nguyên thiên nhiên, tái tạo và không tái tạo; Sản xuất đúng, Đóng gói đúng, Vận chuyển đúng, Mua đúng, Sử dụng đúng, Quản lý và tái chế chất thải đúng, tái sử dụng và giảm thiểu (Hình 2).

Sử dụng đúng là dùng hàng hóa và dịch vụ để đáp ứng mong muốn có được hạnh phúc thực sự. Sử dụng sai là sử dụng dịch vụ và hàng hóa để đáp ứng mong muốn làm hài lòng cảm giác hoặc

thỏa mãn cái tôi (Payutto, 1994). Schumacher (1973) tuyên bố rằng mặc dù kinh tế học hiện đại “cố gắng tối đa hóa mức tiêu thụ bằng mô hình tối ưu nỗ lực sản xuất”, thì kinh tế học Phật giáo luôn “cố gắng tối đa hóa sự thỏa mãn của con người bằng mô hình tiêu dùng tối ưu”.

7. TRUNG ĐẠO CỦA VIỆC TIÊU DÙNG ĐÚNG

Hình 3 mô tả những biện pháp cần được áp dụng cho việc tiêu thụ đúng tài nguyên thiên nhiên theo Bát chánh đạo. Người ta cần kết hợp nhiều thay đổi khác nhau trong lối sống của một người trên cơ sở nguyên tắc Phật giáo của Bát chánh đạo. Một số biện pháp có thể được kết hợp dẫn chúng ta đến mục tiêu Tiêu dùng đúng bao gồm:

7.1. Hiểu biết đúng (Cái nhìn) – Xem xét lại nhận thức của bạn về Sống xanh

Hiểu biết đúng (Cái nhìn) - chìa khóa của Phật giáo, được giải thích là sự hiểu biết về Tứ diệu đế. Hiểu biết đúng có nghĩa là hiểu về mọi thứ đúng như thực tế chứ không phải như vẻ ngoài của nó. Trong thực hành Bát chánh đạo, Chánh kiến đóng vai trò quan trọng nhất. Hiểu biết đúng ở mức tối thiểu là yếu tố cần thiết tiên quyết vì nó đem lại động lực thúc đẩy đúng đắn cho bảy yếu tố khác trong Chánh đạo và định hướng chúng đi chính xác (Narada Thera, 1996). Nguồn gốc của nghiệp ác là tham lam (*lobha*), hận thù (*dosa*) và si mê (*moha*). Trong khi đó, gốc rễ của nghiệp thiện là không tham (*a-lobha* = không ích kỷ), không sân (*a-dosa* = lòng tốt) và không si (*a-moha* = trí tuệ).

Nền tảng để con người thay đổi hướng đến tiêu thụ bền vững là có thông tin chính xác. Chính sách bền vững và bảo vệ môi trường đòi hỏi phải có cơ sở bằng chứng vững chắc giúp giám sát quy mô của nền kinh tế vật chất, đó là số lượng nguyên vật liệu, năng lượng, nước và đất được sử dụng và xả thải trong sản xuất, sử dụng và cung cấp hàng hóa, dịch vụ cũng như hệ thống

cơ sở hạ tầng. Những dữ liệu được đúc rút từ thông tin mới nhất về trạng thái, xu hướng và động lực của nền kinh tế vật lý có thể giúp xác định các điểm đòn bẩy cho những chính sách can thiệp có mục tiêu và hiệu quả giữa các ngành và quy mô địa lý. Loại dữ liệu được báo cáo thường xuyên này, chẳng hạn như dữ liệu được rút ra từ các đánh giá toàn cầu về tài nguyên thiên nhiên, có thể cho biết về việc thiết lập các mục tiêu định hướng dài hạn, các chương trình khuyến khích và hệ thống tham gia và học hỏi lẫn nhau để mở đường cho sự thay đổi. Người ta có thể phát triển và đưa ra những tầm nhìn và thói quen khả thi sống mà không gây hại tới môi trường. Bên cạnh đó, hiểu biết đúng đắn về nguyên nhân của sử dụng sai sẽ giúp ta nhận thức sâu sắc về hậu quả của nó, đồng thời đi đến con đường bảo tồn môi trường và phát triển bền vững.

7.2. Suy nghĩ đúng – Sống xanh là một sự lựa chọn

Sự hiểu biết rõ ràng dẫn đến suy nghĩ rõ ràng. Chánh niệm vừa giúp loại bỏ những ý nghĩ xấu xa vừa phát triển những suy nghĩ thuần khiết. Suy nghĩ đúng trong liên kết cụ thể này chính là Tam bảo. Bao gồm Nekkhamma (vị tha), Avyapada (yêu thương) và Avihimsa (vô hại) (Narada Thera, 1996). Tư tưởng đúng bao gồm tư tưởng thoát khỏi dục vọng (Nekkhamma-sankappa), suy nghĩ không có ý xấu xa (Avyapada-sankappa) và suy nghĩ thoát khỏi sự tàn ác (Avihimsa-sankappa). Những suy nghĩ thoát khỏi dục vọng, khỏi ý chí xấu xa và độc ác được gọi là Suy nghĩ đúng đắn trần tục (Lokia samma-sankappa) mang lại những thành quả thiết thực và kết quả tốt.

Một khi bạn biết những điều mà bạn không thể không biết và “Khi bạn hiểu rõ hơn, bạn sẽ hành động tốt hơn.” Cả việc nhận thức về Suy nghĩ đúng và cam kết của một người sẽ đưa đến những lựa chọn tốt hơn. Người ta liệu có thể phớt lờ những gì đã biết từ môi trường từ đó cho tới nay, hay hơn nữa là phớt lờ sự lan truyền thông tin từ một cộng đồng? Khi có Suy nghĩ đúng, người ta có thể thay đổi (Roberts, 2010). Người ta có thể thúc đẩy bản thân và những

người khác hành động và để chuyển từ “Tôi nên hành động” thành “Tôi không thể làm gì khác” (Heine, 2014). Những suy nghĩ đúng đắn sẽ mang lại sáng kiến cho những giải pháp mới lạ để Sử dụng đúng đắn. Suy nghĩ đúng đắn từ nhiều cá nhân khác nhau sẽ dẫn đến việc phát triển các biện pháp bảo vệ môi trường toàn diện hơn. Suy nghĩ đúng sẽ loại bỏ những suy nghĩ sai lầm và tình trạng suy thoái này sẽ được kiểm soát từ chính nguồn gốc gây ra nó.

7.3. Nói lời đúng đắn – Lên tiếng về tinh thần Sống xanh

Suy nghĩ đúng đắn dẫn đến lời nói đúng (lời biện hộ). Nói lời đúng đắn bao gồm không nói dối, không vu khống, không nói lời cay nghiệt nói chuyện phù phiếm (Narada Thera, 1996). Đây được gọi là “Nói lời đúng đắn” (Lokiya-samma-vaca), giúp đem lại những thành quả thiết thực và kết quả tốt. Nhưng việc thực hành Tứ chánh cần – tinh tấn ngăn ngừa những điều ác chưa phát sinh, tinh tấn dứt trừ những điều ác phát sinh, tinh tấn phát triển những điều lành chưa phát sinh, tinh tấn tiếp tục phát triển những điều lành đã phát sinh – được gọi là “Nói lời đúng đắn siêu phàm” (*Lokuttara-samma-vaca*), tuy không thuộc về thế giới mà là siêu phàm và gắn liền với con đường chánh đạo (Nyanatiloka, 1967).

Việc lên tiếng về yêu cầu Sử dụng đúng cũng là Nói lời đúng đắn. Mọi người có thể truyền bá và truyền cảm hứng cho những người khác để bắt đầu thay đổi thói quen tiêu dùng của họ và chọn lối sống bền vững hơn (Heine, 2014). Nhận thức về sử dụng đúng cần có cơ sở của nói lời đúng. Thông qua việc vận động, xã hội sẽ ý thức về những phương pháp Sử dụng đúng đơn giản khác nhau.

7.4. Hành động đúng - Trước tiên là Không gây hại

Lời nói đúng phải được theo sau bằng Hành động đúng, bao gồm không giết chóc, không ăn cắp và quan hệ tình dục bừa bãi (Narada Thera, 1996). Tránh giết chóc, ăn cắp và quan hệ tình dục bừa bãi - đây được xem là Hành động đúng đắn (Lokiya-samma-kammanta). Nhưng việc kiên trì thực hiện ba hành động sai lầm

này được gọi là ‘Hành động đúng siêu phàm’ (Lokuttara-samma-kammanta), không thuộc về thế giới trần tục, mà là siêu phàm, và gắn liền với chính đạo (Nyanatiloka, 1967).

Hành động đúng nhắc đến việc duy trì Năm nhận thức: không giết người, không trộm cắp, không lạm dụng tình dục, không nói dối và không sử dụng hoặc bán chất gây nghiện. Các chấp nhận đại diện cho các thực hành kiểm chế, kêu gọi trách nhiệm cá nhân và thể chế để giảm bớt đau khổ về môi trường (Kaza, 2000). Sản xuất và sử dụng tài nguyên thiên nhiên tốt hơn và hiệu quả hơn có thể là một trong những cách hiệu quả và tiết kiệm nhất để giảm tác động đến môi trường và nâng cao sức khỏe của con người. Xác định hiệu quả trong suốt vòng đời của tài nguyên thiên nhiên để cải thiện quá trình khai thác và xử lý để đạt được lợi ích kinh tế và xã hội tương đương hoặc lớn hơn trong khi giảm thiểu tác động môi trường tiêu cực (bao gồm cả ô nhiễm).

7.5. Sinh kế đúng – Nhìn vào bức tranh toàn cảnh

Sinh kế đúng có thể được phát triển bằng cách kiểm chế năm loại mua bán bị Đức Phật cấm: buôn bán vũ khí, con người, động vật để giết mổ, rượu, ma túy, và thuốc độc (Narada Thera, 1996). Hãy tránh sinh kế sai lầm bằng cách kiếm sống đúng đắn - điều này được gọi là ‘Sinh kế đúng đắn (Lokiya-samma-ajiva). Tuy nhiên, việc tránh sinh kế sai lầm được gọi là ‘Sinh kế đúng đắn siêu phàm’ (Lokuttara samma-ajiva), không thuộc về thế giới, nhưng lại siêu phàm, và gắn liền với chính đạo (Nyanatiloka, 1967).

Sinh kế là một trong những biểu hiện của cuộc sống, tinh thần mà từ đó người ta rút ra và mở rộng mỗi ngày. Thể hiện dấu chân sinh thái theo những cách có lợi và hỗ trợ tất cả các khía cạnh của một cuộc sống (nhà, công việc và vui chơi) là Sinh kế Phải (Roberts, 2010). Yếu tố này có thể là về cuộc sống bền vững như một cách sống chứ không chỉ là những hành động bạn làm, hoặc nó có thể là về việc tạo ra những thay đổi tại nơi làm việc (Heine, 2014). Sinh kế bền vững là nhu cầu của giờ. Các nguồn tài nguyên

thiên nhiên bị hạn chế và việc sử dụng chúng phải theo cách khôn ngoan thông qua sinh kế đúng đắn của chúng ta. Đồng thời, việc sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo nên được khuyến khích. Mỗi người bằng cách giảm đi số lượng tài nguyên sử dụng, chất thải thì sẽ làm giảm những tác động liên quan. Lời khuyên của Đức Phật là chia sẻ các sản phẩm của một người làm việc với những người khác và sử dụng nó cho hành động có ích, có ích (Harvey, 2013).

7.6. Nỗ lực đúng – Tiến bộ từng bước một

Có bốn nỗ lực lớn; nỗ lực để tránh, nỗ lực vượt qua, nỗ lực phát triển và nỗ lực duy trì (Nyanatiloka, 1967). Nỗ lực đúng đắn là làm những gì người ta có thể khi người ta có thể, và bởi vì người ta có thể. Khi một người áp dụng nỗ lực để suy nghĩ về những thay đổi, người ta có thể thực hiện thay đổi hướng thiện (Suy nghĩ đúng), sau đó hành động để thực hiện những thay đổi đó (Hành động đúng), đó là nỗ lực đúng đắn. Nỗ lực đúng không đủ điều kiện theo quy mô của hành động, mà chính là hành động (Roberts, 2010). Điều này có thể là về việc tiếp tục thay đổi lối sống của bạn ngay cả khi bạn đã thực hiện một số điều dễ dàng hơn cho bạn (Heine, 2014).



Hình 3 Tiêu thụ đúng dựa trên Bát Chánh Đạo để bảo vệ môi trường

Nỗ lực đúng đắn bao gồm việc bạn nỗ lực để giữ gìn sự bền vững của môi trường. Ý thức bảo vệ môi trường củ một cá nhân sẽ dẫn đến việc bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên, cao hơn nữa là đạt tới mục tiêu là bảo vệ môi trường. Cách tiếp cận khoa học để kết nối giữa việc sử dụng các tài nguyên thiên nhiên trong kinh tế làm ảnh hưởng đến môi trường và con người liên quan tới dòng chảy tài nguyên (từ việc chiết xuất đến việc thải bỏ rác) cùng với việc sử dụng và tác động lên môi trường, kinh tế và xã hội vào mỗi giai đoạn trong vòng đời sản phẩm. Việc tiếp cận này cần dùng để nhận ra các điểm mấu chốt, phát triển mục đích tài nguyên; phác họa chính sách có nhiều lợi ích tính cả tới việc kinh doanh và hợp tác; và chỉ đạo quá trình chuyển đổi đối với hệ thống hạ tầng và sản xuất và tiêu thụ bền vững.

7.7. Chánh niệm đúng – Ý tưởng xanh

Chánh niệm đúng là luôn giữ được chánh niệm đến cơ thể, cảm xúc, suy nghĩ và các đối tượng tâm trí (Trích Narada Thera, 1996). Chánh niệm là một trong những nhân tố quan trọng trong Bát Chánh Đạo vì khi các hoạt động có tâm sẽ hướng tới bảo vệ môi trường. Những hoạt động có tâm thường thì đơn giản và dễ áp dụng và có xu hướng rõ ràng trong việc bảo vệ môi trường.

Ta cần phải luyện tập chánh niệm để có thể làm tốt hơn và lần sau sẽ có xu hướng tốt hơn nữa. Chánh niệm không phải là việc nhận ra mình khi nào mình đúng mà nhận thức được việc mình đang làm đúng hay sai và sửa chữa khi cần thiết (Roberts, 2010). Có rất nhiều cơ hội để áp dụng chánh niệm như là nhớ tắt lò sưởi/ máy lạnh khi ra khỏi phòng hay rót đủ nước cân dùng vô ấm để đun sôi, v.v. (Hein, 2-14). Là chuyển đổi một quá trình hệ thống sản xuất và tiêu thụ hiện tại không bền vững sang hệ thống bền vững. Hãy đem chánh niệm vào khi quyết định nên mua sản phẩm gì và chọn sản phẩm bền vững khi có thể. Mang túi có thể tái sử dụng, từ chối sử dụng ống hút nhựa và tái chế chai nhựa là những

bước đầu đi đúng. Cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm người tiêu dùng cũng giúp ích nhiều.

7.8. Tập trung đúng – Dấu chân của bạn bao lớn?

Nỗ lực và chánh niệm sẽ dẫn đến tập trung. Đó là tập trung tâm trí vào một điểm, thu hút sự chú ý trong tinh tâm (Narada Thera, 1996). Trong khi đa số người ta có thể mất vài phút và dễ dàng tìm cách thay đổi vài thói quen để có kết quả thân thiện với môi trường tốt hơn, thì việc cam kết để hòa nhập với cộng đồng thế giới và thật sự làm tốt phần của mình đòi hỏi nỗ lực và hoạch định tốt hơn. Nghĩa là nỗ lực ủng hộ cho giáo dục thân thiện, cống hiến cho việc thay đổi môi trường tại nhà và tại nơi làm việc, có trách nhiệm thật tâm như là một thành viên của thế giới. Sự tập trung đúng có thể cho thấy sự cam kết qua sự học hỏi, hành động và giáo dục nhưng những việc đó phải bắt đầu từ trái tim và bằng tinh thần chuyển tới tất cả sinh vật kết nối ta với thế giới (Roberts, 2010). Tập trung tâm trí vào sự thoái hóa của môi trường là cách thay đổi tầm nhìn mạnh mẽ về việc áp dụng như thế nào qua bảy nguyên tắc khác.

8. LIÊN QUAN GIỮA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong Hình 4, có nêu lên mối liên quan giữa việc bảo vệ môi trường và tương lai bền vững-phát triển bền vững. Từ hình này, ta có thể thấy Con đường chính giữa gồm Thông thái, Đạo Đức và Văn hóa Tinh thần nếu phát triển trong tất cả cá nhân trong xã hội, tác động của nó (dựa trên nguyên lý Nhân Duyên) sẽ giúp cho việc bảo vệ môi trường. Việc cá nhân biết tiêu thụ đúng cách nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ giúp cho sự thay đổi toàn cầu trong việc phát triển tương lai bền vững. Tóm lại, việc thay đổi tâm trí con người theo Bát Chánh Đạo sẽ dẫn tới việc bảo vệ môi trường, tương lai bền vững và phát triển bền vững sẽ dẫn tới Nibbana. Tất cả đều tùy thuộc vào Bát Chánh Đạo.



Hình 4: Liên quan giữa bảo vệ môi trường và phát triển bền vững (Kamble, 2015)

9. GIÁC NGỘ ĐỂ TIÊU THỤ ĐÚNG

9.1. An ninh kinh tế và hạnh phúc

Đức Phật đã nói rằng có bốn loại hạnh phúc. Hạnh phúc đầu tiên là để thưởng thức an ninh kinh tế hoặc đủ giàu có từ phương tiện công bình; hạnh phúc thứ hai là tiêu xài của cải đó đồng đều cho mình, gia đình, bạn bè của mình và người thân, và vào việc thiện; hạnh phúc thứ ba là không bị vướng vào nợ nần; hạnh phúc thứ tư là sống một cuộc sống không lầm lỗi, và tinh khiết mà không có ác nghiệp trong suy nghĩ, ngôn ngữ hay hành động. Đức Phật tiếp tục khẳng định, hạnh phúc có được từ tiền bạc và vật chất thì “không có giá trị bằng một phần 16” của hạnh phúc tâm linh được tạo từ cuộc sống không lầm lỗi và tốt đẹp (Walpol Rahula, 1978). Có thể thấy Đức Phật coi của cải phúc lợi là cần thiết cho hạnh phúc của con người, nhưng mà Ngài không công nhận tiến bộ như là thực tế và đúng nếu nó đã là yếu tố duy nhất, không có một nền tảng tinh thần và đạo đức. Trong khi khuyến khích tiến bộ về vật chất, đạo Phật luôn đặt nặng sự phát triển của nhân cách đạo đức và tâm linh cho một xã hội hạnh phúc, hòa bình và hài lòng.

9.2. Buông bỏ

Buông bỏ nghĩa là để vượt qua tất cả các nghịch cảnh đối nghịch, như được-mất, khen ngợi-đổ lỗi, hạnh phúc – đau khổ, để tận hưởng hòa bình do hi xả và không quyến luyến. Nó cũng là một phương tiện để thoát khỏi sự trói buộc của thế gian và do đó được tự do. Một cuộc sống thánh thiện, dựa trên sống độc lập, tự nguyện nghèo đói và không mê muội, cho phép hình dạng bê tông từ bỏ (Buddharakkhita, 2002). Buông bỏ là việc chấp nhận rằng mọi thứ sẽ biến mất. Để xem và chấp nhận rằng tất cả mọi thứ mất đi-bao gồm cả chúng ta-là cần thiết để sống thanh thản (Harvey, năm 2013). Các dấu hiệu của buông bỏ là tấm lòng rộng lượng. Lòng rộng lượng thật sự thể hiện không phải ở mặt đạo đức mà còn bộc lộ nội tâm (Harvey, năm 2013).

9.3. Lòng rộng lượng

Giống như chọn loại đất thích hợp cho anh nông dân, dana dành cho cuộc sống Phật tử. Nó là nền tảng thực hành tâm linh, mục đích duy nhất đó là tiêu diệt tham ái và xây dựng tự do nội tâm vì tính vị tha. Do đó trong đạo Phật bố thí có nghĩa là buông bỏ tức là bỏ đi tính ích kỷ, lưu luyến, si mê nhục dục, tham lam, bản ngã, giận dữ, ảo tưởng, vô minh và những tính tiêu cực tạo kamma. Đức Phật nói, “Đối với con người, dana là đường dẫn đến giải thoát” (Buddharakkhita, 2002).

Hạnh Bồ tát thực hành sự hoàn hảo trong việc bố thí để loại bỏ những ham muốn và tham lam. Người ấy bố thí không phải để được ca ngợi và không có trong đầu suy nghĩ muốn có phần thưởng cho hành động từ bi của mình. Bằng thái độ này, người theo hạnh Bồ tát có thể bố thí cả của cải, tài sản và thậm chí cả cuộc sống của mình mà không vẩn vương một chút gì (Phật giáo cho người mới bắt đầu, năm 2017). Hơn nữa, mang lại niềm vui cho người khác có thể mang lại hạnh phúc thật sự. Lòng nhân ái và chia sẻ là chắc chắn là nguồn cội của hạnh phúc và là một thách thức cho một xã hội đề cao tiêu thụ cá nhân (Harvey, 2013).

9.4. Tính tiết kiệm

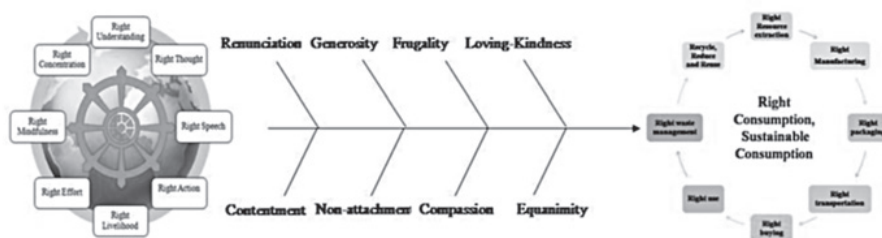
Nhà sư Phật giáo và những Phật tử được khuyến khích mỗi ngày để ôn lại lý do tại sao họ sử dụng bốn nhu cầu của cuộc sống: thực phẩm, quần áo, nơi ở và thuốc men. Mục đích của sự nhớ lại này là để kiểm tra xem họ đã sử dụng những thứ này dư thừa hoặc theo cách có thể phát triển những tư tưởng không lành. Họ cũng được khuyến khích là lúc nào cũng nhớ rằng mỗi một nhu yếu phẩm đều tạo nên bởi sự hy sinh của nhiều người và các sinh vật khác. Sự phản ánh này khuyến khích họ sống đơn giản và nhắm tới mục đích cuối cùng, thật sự cao quý của hạnh phúc là không tạo gánh nặng lên bất cứ ai. Ta nên ăn uống một cách khôn ngoan tức là ăn uống điều độ, vừa phải, trong việc chọn thức ăn như thế nào là cần thiết để giữ mình khỏe mạnh và mạnh mẽ, đủ để rèn luyện tâm trí. Cùng một nguyên tắc áp dụng cho nhu cầu khác. Không nên lấy đi nhiều hơn cái mà bạn có thể sẵn sàng để cho trở lại. Và học cách thoát khỏi những định nghĩa sai do các phương tiện truyền thông tuyên truyền rộng rãi rằng mua sắm là một hình thức trị liệu và mua sắm là không mất gì, ngược lại đó là một chiến thắng hoặc đạt được một thứ. Mua hàng thực tế là thiệt hại về tiền bạc và tự do. Do đó, hãy học cách hạn chế mua hàng, chỉ mua những vật hữu ích và dùng số tiền tiết kiệm để giúp nâng cao chất lượng của cuộc sống, cả cho chính mình và những người xung quanh bạn. Hãy xem tính tiết kiệm như một ân huệ cho chính mình và với thế giới (Thanissaro Bhikkhu, năm 2012).

9.5. Không quyến luyến

Đức Phật đã tuyên bố rằng “Dhamma này là dành cho người vui vẻ, không phải cho người không vui.” Đức tính của sự hoan hỉ và ít vọng tưởng rất đáng ca ngợi, và người ta nói: “Hoan hỉ là sự giàu có vĩ đại nhất” (Kinh Pháp cú, 204) (Harvey, năm 2013). Pháp giảng về hoan hỉ tiếp tục rằng “không lấy nhiều hơn lượng mà ta được nhận một cách công bằng chia sẻ - chỉ dùng đủ cần thiết và phần còn lại để cho người khác sử dụng”. Đó là lối sống tự nhiên, chỉ lấy đủ những gì mình thật sự cần (Swearer, Tôi và Cái của tôi, 1989).

9.6. Không quyến luyến

Không quyến luyến là sở hữu và sử dụng vật chất nhưng không để chúng sở hữu hoặc sử dụng ta (Harvey, năm 2013). Không quyến luyến là trạng thái mà một người vượt lên lòng mong muốn đối với vật chất, con người hay những thứ trên thế giới và do đó đạt tới tầng nhận thức cao hơn. Không quyến luyến không có nghĩa là ta không sở hữu vật chất. Nó có nghĩa là ta không cho phép vật chất kiểm soát mình.” Như Đạt Lai Lạt Ma đã một lần đã nói, “Quyến luyến (chấp) là nguồn gốc, gốc rễ của đau khổ; do đó nó là nguyên nhân của đau khổ”.



Hình 5. Cách giác ngộ cho tiêu thụ đúng/tiêu thụ mang tính bền vững

9.7. Lòng từ bi

Trong tâm lý học Phật giáo, từ bi là một dạng đồng cảm. Chúng ta cảm nhận sự đau khổ của người khác như là của mình và tự nhiên muốn cho họ thoát khỏi nó. Tâm từ bi, ngược lại với tâm tàn ác và tức giận, được hiểu là hài hòa hơn nhiều với điều kiện thực tế của chúng ta. Như vậy, lòng từ bi từ trí tuệ giúp cho chúng ta hiểu được tình hình cơ bản của chúng ta: nguyên nhân sâu xa của sự đau khổ và tiềm năng có được tự do và việc thiện. Từ góc độ Phật giáo, từ bi với trí tuệ là nền tảng của việc chữa bệnh tâm lý. Lòng từ bi cũng được định nghĩa là một năng lực tinh thần, khi được vun trồng và củng cố sẽ nâng cao tất cả các mặt tích cực của tâm trí khi ta tỉnh ngộ để đạt trọn vẹn hết tiềm năng con người (Makransky, 2012).

9.8. Lòng nhân ái

Sự hoàn hảo của lòng nhân ái là ước muốn cung cấp cho các phúc lợi và hạnh phúc của thế giới, đi kèm với lòng từ bi và khéo léo có nghĩa là lòng nhân từ. Đức tính cao quý của lòng nhân ái phản ánh trong việc nhận ra rằng chỉ quan tâm đến lợi ích của mình không thì không thể đạt được thành công trong cuộc sống hoặc một cuộc sống hạnh phúc sẽ đến khi ta quan tâm đến lợi ích của người khác.

9.9. Hỉ Xả

Chức năng của hỉ xả là xem xét mọi việc một cách khách quan; biểu hiện của nó là giữ cân bằng trong cảm dỗ và tâm trạng. Nguyên nhân khả dĩ là phản ánh một thực tế rằng đó là do nghiệp riêng của họ. Hỉ xả làm mạnh thêm sức mạnh xả bỏ, vì qua đó, ta hiểu nó có nghĩa là ta đã vượt qua được sự bất mãn và lòng thích thú. Hỉ xả đi kèm với lòng từ bi và lòng từ bi thì kèm với hỉ xả.

9.10. Việc cần làm để có tiêu thụ đúng đắn

Cá nhân đóng một vai trò rất quan trọng trong việc thay đổi cơ bản qua tấm gương tiên phong trong việc xây dựng nền tảng, bằng cách dạy cho người khác phương pháp tiếp cận mới, bằng cách ủng hộ cho người tiêu dùng có trách nhiệm. Việc tập hợp những nỗ lực cá nhân, tuy nhiên, sẽ không thay đổi hệ thống, để làm được việc này, các đại lý bên dưới phải thay đổi quy trình hoạt động và mục tiêu của họ (Kaza, 2000). Phần kết luận này của bài này thách thức lên vài khía cạnh của phát triển bền vững, do cá nhân tham gia sẽ dẫn đến sự thay đổi về cấu trúc và bao gồm:

Giảm cầu đúng

Việc giảm tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên có thể được thực hiện bằng cách kết hợp các hoạt động như i) làm một danh sách và kiểm tra kỹ càng: bất cứ khi nào ta đi mua sắm đồ gia dụng ta cần chuẩn bị một danh sách để tránh mua thứ không cần thiết hoặc mua theo cảm hứng ii) tránh mua đồ chỉ để phòng hờ: nếu tại thời

điểm đó ta không chắc ta nên cần hay không thì cứ cho là ta không cần bất cứ cái gì. Một người biết sắp xếp nhà cửa sẽ giúp ta biết trong kho còn gì iii) suy nghĩ về việc thay thế máy móc mới mua: nếu mua đồ mới, nó thay thế cho cái nào? có thể đồ cũ mang đi từ thiện hay tái chế? iv) đáng giá việc mình muốn so với cái mình cần: suy nghĩ thêm rất quan trọng để xem xét việc mua sắm đó là do ta cần hay ta muốn v) hãy cẩn thận với hàng giảm giá: giá rẻ hơn là để bán chạy hàng, không nhất thiết để tiết kiệm tiền trong hàng này (Roberts, 2010).

Tái sử dụng tích cực

Có nhiều cách để tái sử dụng vật liệu từ việc bắt đầu bước những bước nhỏ có thể áp dụng trong cuộc sống hàng ngày, một số cách như việc tái sử dụng của túi xách, bao đựng; sử dụng rác làm nguyên liệu; đóng góp quỹ từ thiện và hãy sáng tạo thêm (Roberts, 2010).

Tái sinh tái chế

Tái chế chất thải và phế liệu bây giờ đã trở thành một phần không thể thiếu của ngành chế biến, thay thế nguyên vật liệu gốc trong sản xuất. Sử dụng các vật liệu tái chế trong quá trình sản xuất giúp bảo tồn nguyên vật liệu và làm giảm tiêu thụ năng lượng. Tái chế từ nhựa, kim loại, giấy và các chất thải và phế liệu có thể bảo tồn tài nguyên thiên nhiên tới mức độ rộng lớn hơn (Roberts, 2010).

Các phương cách khác:

Ta cần tìm ra nguồn năng lượng thay thế cho năng lượng thông thường. Năng lượng từ than đá, dầu, khí v.v. làm cho sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên và suy thoái môi trường càng nặng hơn. Con đường tìm kiếm nguồn thay thế cho các lựa chọn năng lượng cần phải được khám phá và áp dụng vào cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Ta cần phải sử dụng nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió, địa nhiệt, thủy điện. Ngoài ra, dầu

diesel sinh học, ô tô chạy điện, xe chạy bằng pin, xe/tàu chạy bằng năng lượng mặt trời, đi xe chung, hệ thống giao thông công cộng nhanh chóng, xe hai nguồn, đi xe đạp hoặc đi bộ cần phải khuyến khích (Roberts, 2010).

Giảm bớt đồ đạc, bớt bao bì

Bao bì hàng hóa tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên rất lớn chẳng hạn như giấy và góp phần tăng lượng chất thải ra môi trường. Do đó, bằng việc áp dụng một số cách phổ biến để giảm chất thải văn phòng bao gồm: không in giấy; chọn đúng mực máy in (nhấn mạnh vào loại ống mực có thể tái chế và mực tự phân hủy làm từ nguồn gốc thực vật) (Roberts, 2010). Hơn nữa, vật liệu bao bì đóng gói như giấy, bìa, và nhựa có thể được tái chế một lần nữa để làm giảm áp lực về tài nguyên thiên nhiên có giới hạn.

10. KẾT LUẬN

Tài nguyên thiên nhiên có thể bị cạn kiệt và không thể thiếu cho sự phát triển toàn diện của con người. Việc tiêu thụ mất bình đẳng các nguồn tài nguyên giữa các vùng, tôn giáo và tầng lớp người tiêu khác nhau trên thế giới đã được lưu lại. Việc khai thác bừa bãi các nguồn tài nguyên gây ra hậu quả không thể sửa chữa được lên môi trường. Việc khai thác tài nguyên thiên nhiên vượt quá là ‘tiêu thụ sai’ và nguyên nhân gốc rễ cho đây là tham lam, sân hận và si mê trong một cá nhân. Điều đó dẫn đến suy thoái môi trường, và gây đau khổ và có thể được giải thích trên cơ sở sự thật cao quý đầu tiên. Các biện pháp khác nhau đã được đề nghị cho việc bảo tồn môi trường theo triết lý Phật giáo có thể đóng một vai trò rất quan trọng và cần phải được khai thác hơn nữa. Chuyển hóa việc tiêu thụ sai sang tiêu thụ đúng là cách Phật giáo đưa ra giải pháp cho vấn đề này. Thật cần thiết điều chỉnh cách tiêu thụ và mô hình sản xuất do việc chuyển đổi nguồn lực sử dụng làm giảm áp lực môi trường trong khi thúc đẩy phát triển kinh tế và con người. Phật giáo đề nghị mặc dù việc thỏa mãn về mặt vật chất là quan

trọng, nhưng các nhu cầu thực tế của con người là tinh thần. Ba khía cạnh của Bát Chính Đạo tức là trí tuệ, đạo đức và tinh thần văn hóa sẽ dẫn đến sự phát triển của ‘tiêu thụ đúng’ của tài nguyên thiên nhiên do đức tính của một cá nhân. Để có hiệu quả ‘đúng’ ngoài các khía cạnh của Bát Chính Đạo, giới luật Phật giáo như buông bỏ, lòng nhân ái v.v. cần phải được đưa vào. Điều này sẽ mở đường cho việc bảo tồn môi trường và cuối cùng là sự phát triển bền vững và xã hội bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Buddharakkhita. (2002). *Living Legacy of the Buddha*. Bangalore: Buddha Vachana Trust, Maha Bodhi Society.
- Buddhism for Beginners* (2017). Singapore: Kong Meng San Phor Kark See Monastery. Dharma Propagation Division, Awaken publishing and design.
- Harvey, P. (2013). Buddhist Reflections on “Consumer” and “Consumerism”. *Journal of Buddhist Ethics*, 20, pp. 334-356.
- Heine, A. (2014). A Buddhist Response to Climate Change. In: *United Nations Vesak Day Conference*. [online] Hanoi: pp. 79-97. Available at: http://www.icdv.net/2014paper/ws2_05_en__A_Buddhist_Response_to_Climate_Change_650718585.pdf [Accessed 12 Jan. 2019].
- IRP (2017). *Assessing global resource use: A systems approach to resource efficiency and pollution reduction*. [online] Nairobi: A Report of the International Resource Panel. United Nations Environment Programme. pp. 12-34. Available at: www.resourcepanel.org/sites/.../assessing_global_resource_use_amended_130318.pdf [Accessed 24 Dec. 2018].
- Kamble, R.K. (2015). The Noble Eightfold Path: Buddhist Response to Environmental Degradation. In: *United Nations Vesak Day Conference*, Bangkok: pp. 272-285.
- Kaza, S. (2000). Overcoming the Grip of Consumerism. *Buddhist-Christian Studies*, 20, pp. 23-42.
- Luang Por Liem (2008). *The Ways of the Peaceful Teachings about “Samana-Dhamma”, the virtues of a Buddhist monk*. Ubon: Siritham Offset Ltd.
- Makransky, J. (2012). Compassion in Buddhist Psychology. In: Christopher K. Germer and Ronald D. Siegel ed., *Compassion and Wisdom in Psychotherapy*, New York: Guilford Press, pp. 1-22.

- Mudd, G. M. (2010). The Environmental Sustainability of Mining in Australia: Key Mega-trends and Looming Constraints. *Resources Policy*, 35(2), pp. 98-115.
- Narada Thera (1996). *Buddhism in a Nutshell*. Penang: Sukhi Hotu Sdn Bhd.
- Natural Resources, what are they? (2019). [online] Available at: <https://wrforum.org/publications-2/publications/> [Accessed 3 Jan. 2019].
- Nyanatiloka (1967). *The Word of The Buddha*. Bangalore: Buddha Vachana Trust.
- Payutto, Bhikkhu P.A. (1994). *Buddhist Economics: A Middle Way for the Market Place*. Bangkok: Buddhadhamma Foundation. [online] Available at: <<http://www.buddhanet.net/cmdsg/econ.htm>> (Accessed 28 May 2013)
- Piyadassi Thera (1959). *Dependent Origination (Paticca Samuppada)*. Kandy: The Wheel Publication No. 15. Buddhist Publication Society.
- Piyadassi Thera (1964). *The Buddha's Ancient Path*. London: Rider & Company.
- Reeson, A. F., T. G. Measham, and K. Hosking (2012). Mining activity, income inequality and gender in regional Australia. *Australian Journal of Agricultural and Resource Economics* 56(2), pp. 302-313.
- Roberts, R. (2010). *What Would the Buddha Recycle?* Noida: Sirohi Brothers Private Limited.
- Santra, S. C. (2014). *Environmental Science*. London: New Central Book Agency (P) Ltd.
- Schandl, H. and J. West (2010). Resource use and resource efficiency in the Asia-Pacific region. *Global Environmental Change-Human and Policy Dimensions* 20(4), pp. 636-647.

- Schumacher, E.F. (1973). *Small is Beautiful: Economics as if People Mattered*. 1999 print with commentaries, Point Roberts, WA: Hartley & Marks.
- State of Consumption Today (2018). [online] Available at: <http://www.worldwatch.org/node/810#4> (Accessed 28 Dec. 2018).
- Steinberger, J.K., F. Krausmann and N. Eisenmenger (2010). Global patterns of materials use: A socioeconomic and geophysical analysis. *Ecological Economics* 69, pp. 1148-1158.
- Swearer, Donald K. Me and Mine (1989). Selected Essays of Bhikkhu Buddhadasa. Albany: State University of New York Press.
- Thanissaro Bhikkhu. Recognizing the Dhamma A Study Guide.
- Thanissaro Bhikkhu (2010). Skill in Questions How the Buddha Taught. Valley Centre: Metta Forest Monastery.
- Thanissaro Bhikkhu (2012). With Each & Every Breath A Guide to Meditation. Valley Centre: Metta Forest Monastery.
- United Nations Development Programme (UNDP) (2018). Human Development Indices and Indicators 2018 Statistical updates. New York: UNDP, pp. 12-98.
- Walpola Rahula (1978). What the Buddha Taught. London and Belford: Gordon Fraser Gallery.
- West, J. and H. Schandl (2013). Material use and material efficiency in Latin America and the Caribbean. *Ecological Economics* 94, pp. 19-27.
- Why it Matters (2018). Responsible consumption & production [online] Available at: <https://www.un.org/sustainabledevelopment/sustainable-consumption-production/> [Accessed on 12 Dec. 2018].